

Bản án số: 974/2024/HC-PT

Ngày: 10 - 9 - 2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai về thu hồi,  
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đức Toàn

*Các Thẩm phán:*

Ông Phạm Công Mười

Bà Nguyễn Thị Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Danh Quốc Khách – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 593/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 7 năm 2024, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2024/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5204/2024/QĐPT, ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Vũ Thanh S, sinh năm 1964. Địa chỉ: 9 B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Quang T, sinh năm 1982. Địa chỉ: G T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hoàng Vũ T1 – Chủ tịch. Vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Vũ Hồng T2 – Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Bà Nguyễn Thị H và bà Hoàng Thị H1 – Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V. Cả 02 có mặt.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Bùi Thị Thu T3 – Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Trung N – Công chức địa chính phường I, thành phố V. Có mặt.

3.2. Bà Lê Thị P, sinh năm 1970. Địa chỉ: G T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Quang T, sinh năm 1982. Địa chỉ: G T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án giải quyết:**

- Hủy Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Thị P - Vũ Thanh S, địa chỉ thu hồi đất: Khu C, phường I (địa chỉ liên hệ: 921/1 đường B, phường A, thành phố V), do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nạo vét kênh B, thành phố V.

Cụ thể: Hủy Mục A, C, Đ, G tại phần 1 Điều 1 Quyết định số 1902 về Bồi thường, hỗ trợ giá trị quyền sử dụng đất; Bồi thường nhà, vật kiến trúc; Các khoản hỗ trợ; Tái định cư;

- Tuyên buộc UBND thành phố V bồi thường toàn bộ phần diện tích đất thu hồi theo giá đất ở và đất nuôi trồng thủy sản theo giá đất tại thời điểm tháng 04/2023;

- Tuyên buộc UBND thành phố V phê duyệt phương án hỗ trợ đối với cá nhân trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp;

- Tuyên buộc UBND thành phố V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thêm 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông S - Bà P

*Căn cứ để yêu cầu:*

Gia đình ông Vũ Thanh S đang sử dụng nhà, đất nuôi trồng thủy sản từ trước năm 1992 cho đến nay, hiện trên phần diện tích thu hồi vẫn đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp (nuôi tôm theo mô hình quảng canh) phần diện tích thu hồi theo sổ Mục kê năm 1991 thuộc thửa 02 tờ bản đồ 05; theo Sổ địa chính năm 2004 nằm tại thửa số 03, 04, 17, 02, tờ bản đồ số 101, thửa 03 tờ bản đồ số 95 thuộc phường I, Tp V.

Toàn bộ phần diện tích nêu trên được gia đình mua lại của ông Trần Văn C từ năm 1992, sau đó gia đình đã đầu tư tiền bạc công sức và để kiến thiết làm nông nghiệp. Sự việc gia đình sử dụng, khai thác ổn định từ năm 1992 cho đến nay có sự chứng kiến của bà con làng xóm, có sự xác nhận của Tổ dân phố và khu phố qua các thời kỳ.

Trong quá trình Nhà nước thực hiện việc kê khai đăng ký, và các hướng dẫn làm thủ tục về đất đai liên quan vì gia đình văn hoá thấp, nhận thức kém một

phần vì lo lắng về miếng cơm manh áo nên không suy nghĩ cũng không thực hiện được các chính sách về đất đai của Nhà nước. Gia đình ông S trực tiếp sinh sống và sản xuất trên mảnh đất này và không còn bất cứ nhà đất nào khác tại địa bàn phường xã nơi cư trú.

Trên phần đùng nuôi tôm cá nêu trên, gia đình đã cất nhà chòi để ở và sinh sống từ những năm 1992 (thừa hưởng lại của ông Trần Văn C khi mua lại). Trong quá trình sử dụng liên tục từ năm 1992 cho đến nay gia đình không nhận được bất cứ quyết định nào của cơ quan nhà nước về xử phạt hành chính trong lĩnh vực xây dựng và đất đai. Chỉ một lần các hộ dân có tranh chấp nguồn nước để nuôi trồng thủy sản do có hộ dân cắm đặng ngang sông ngăn nguồn nước vào năm 1998. Tuy nhiên, các gia đình đã được phường tiến hành hoà giải ổn thỏa rồi tiếp tục sử dụng ổn định cho đến ngày nay. Năm 2008, UBND Thành phố V có thu hồi 01 phần diện tích của gia đình sử dụng và có hỗ trợ một phần tiền.

Ngày 25/04/2023, UBND Thành phố V ban hành quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Thị P - Vũ Thanh S, địa chỉ thu hồi đất: Khu C, phường I (địa chỉ liên hệ: 921/1 đường B, phường A, thành phố V), do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nạo vét kênh B, thành phố V. Tổng diện tích đất thu hồi 16.999,4m<sup>2</sup>.

Theo quyết định bồi thường thì căn cứ để xác định giá đất là theo quyết định số 3635/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nạo vét kênh B thuộc phường E, phường I, phường T, phường T, thành phố V tức là đã gần 3 năm kể từ ngày có quyết định khảo sát giá và hiện tại UBND Tỉnh B đã công bố bảng giá đất mới và đã có hiệu lực hơn 5 tháng.

UBND Thành phố ban hành quyết định số 1902/QĐ-UBND mà không bồi thường về đất, vật kiến trúc, không hỗ trợ đối với người trực tiếp sản xuất nông nghiệp và không bố trí tái định cư về phần diện tích này là xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi và tài sản của gia đình ông S.

Căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 20 Nghị định 43/2014 của Chính phủ thì UBND Thành phố đã không thực hiện đúng quy định của pháp luật trong bồi thường khi thu hồi đất, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông S, bà P.

**\* Người bị kiện, UBND thành phố V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có văn bản trình bày:**

1. Nguồn gốc quá trình sử dụng đất thu hồi của gia đình ông S - Bà P:

Theo Trích biên bản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 02/12/2021 của U, thể hiện: Nguồn gốc đất do Nhà nước quản lý, không đủ điều kiện bồi thường về đất. Cụ thể:

Theo hồ sơ địa chính của Phường I thì diện đất này nằm trong diện tích 1.261.500m<sup>2</sup> thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 05. Tại mục tên chủ sử dụng ruộng

đất: “UBND Phường 9” (cũ), loại đất “Hg” trong sổ Mục kê được Ban Q duyệt ngày 12/12/1991.

Theo hồ sơ địa chính 2004 thửa đất trên thuộc một phần thửa số 03, 04, 17, 2 tờ bản đồ 101; thửa 03 tờ 95; trong sổ địa chính không có người kê khai, đăng ký sử dụng.

- Trên đất có vật kiến trúc và phần diện tích nuôi trồng thủy sản theo biên bản kiểm kê ngày 12/7/2021.

- Xác nhận hộ gia đình, cá nhân đề nghị không vào khu tái định cư, xin tái định cư tự do: Không.

- Xác nhận đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không.

## 2. Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường:

Ngày 25/4/2023, UBND thành phố V ban hành các Quyết định số 1892/QĐ-UBND về thu hồi đất và Quyết định số 1902/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Thị P - Vũ Thanh S, địa chỉ thửa đất: Khu C, Phường I (địa chỉ liên hệ: 921/1 đường B, Phường A, thành phố V) do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nạo vét kênh B, thành phố V; nội dung:

- Diện tích đất thu hồi: 16.999,4m<sup>2</sup> đất thuộc các thửa đất số 27, 28, 29, 24, 25, 26, 31, 23/1 tờ bản đồ thu hồi đất số 03.

- Diện tích đất không bồi thường: 16.999,4m<sup>2</sup>. Lý do: Đất thuộc Nhà nước quản lý theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai 2013.

- Bồi thường hoa màu:

- Không bồi thường, không hỗ trợ các chòi canh đùng và bờ đùng do xây dựng trên phần đất không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Quyết định 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND Tỉnh.

- Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: Không.

- Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 107.301.250 đồng.

Đến thời điểm hiện nay, ông Vũ Thanh S chưa nhận tiền theo Quyết định phê duyệt trên và chưa bàn giao mặt bằng.

3. Nhận xét: Theo Điều 47 Luật Đất đai năm 1987 quy định: “Đất chưa sử dụng là đất chưa được xác định để dùng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, khu dân cư, chuyên dùng và Nhà nước chưa giao cho ai sử dụng ổn định, lâu dài”.

- Theo khoản 2 Điều 18 Luật Đất đai năm 1987 quy định: “2. Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc tỉnh, thị xã, thị trấn và Ủy ban nhân dân xã thuộc huyện lập, giữ sổ địa chính, vào sổ địa chính cho người sử dụng đất và tự mình đăng ký đất chưa sử dụng vào sổ địa chính”.

- Theo Điều 49 Luật Đất đai năm 1993 quy định: “Đất bãi bồi của sông thuộc địa phận xã nào thì do Ủy ban nhân dân xã đó quản lý và trình Ủy ban

*nhân dân huyện quyết định kế hoạch sử dụng. Trong trường hợp có tranh chấp thì trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Luật này quyết định”.*

- Theo Điều 72 Luật Đất đai năm 1993 quy định: *“Đất chưa sử dụng là đất chưa có đủ điều kiện hoặc chưa được xác định để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp; chưa được xác định là khu đất dân cư nông thôn, đô thị, chuyên dùng và Nhà nước chưa giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng ổn định lâu dài”.*

- Theo Điều 80 Luật Đất đai năm 2003 quy định:

*“1. Đất bãi bồi ven sông, ven biển bao gồm đất bãi bồi ven sông, đất cù lao trên sông, đất bãi bồi ven biển và đất cù lao trên biển.*

*2. Đất bãi bồi ven sông, ven biển thuộc địa phận xã, phường, thị trấn nào thì do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đó quản lý”.*

- Tại khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2003 quy định:

*“1. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính.”*

- Theo Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 quy định: Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất

*1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này.*

*2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*

*3. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây dựng khác không còn sử dụng.*

Theo khoản 1, khoản 2, Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 quy định: Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở:

*“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam mà có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường như sau:*

*a) Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở; trường hợp không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở thì Nhà nước bồi thường bằng tiền;*

*b) Trường hợp còn đất ở, nhà ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở.*

*2. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ*

*ở nào khác thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất”.*

Tại khu vực cù lao B trước năm 1993 là đất bãi bồi ven sông, ven biển, rừng ngập mặn, là đất nhà nước quản lý, chưa đưa vào sử dụng, do đó, việc UBND Phường 9 kê khai sử dụng tại hồ sơ địa chính (sổ mục kê, sổ đăng ký ruộng đất, bản đồ địa chính,...) là đúng quy định pháp luật.

Việc sử dụng đất của một số hộ dân tại khu vực này; Trong đó có ông Vũ Thanh S là do tự ý lấn chiếm, sang nhượng bất hợp pháp đất nhà nước chưa sử dụng, không kê khai, không thực hiện nghĩa vụ tài chính với cơ quan nhà nước là hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng đất đai. Ông S không cung cấp được các chứng cứ sử dụng đất theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1902/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Thị P - Vũ Thanh S. Nội dung “*Không bồi thường, hỗ trợ giá trị quyền sử dụng đất*” tại mục A/phần 1 điều 1 và nội dung “*Không bồi thường nhà, vật kiến trúc*” tại mục C/phần 1 Điều 1 và Tái định cư: không tại mục G/phần 1 Điều 1 của Quyết định này là có cơ sở theo quy định pháp luật.

Từ những viện dẫn trên, UBND thành phố V đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết:

+ Bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Vũ Thanh S.

+ Giữ nguyên Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND thành phố V.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

*1. U có văn bản trình bày:*

Khu vực cù lao B trước năm 1993 là đất bãi bồi ven sông, ven biển, rừng ngập mặn, là đất nhà nước quản lý, chưa đưa vào sử dụng, do đó UBND Phường 9 kê khai để quản lý tại hồ sơ địa chính (sổ mục kê, sổ đăng ký ruộng đất, bản đồ địa chính, ...) để quản lý.

Một số hộ dân trong đó có ông Vũ Thanh S tự ý sử dụng, không kê khai, không thực hiện nghĩa vụ tài chính với cơ quan nhà nước là hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng đất đai. Do đó, tại văn bản Trích biên bản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 02/12/2021 của U có nội dung “Đất Nhà nước quản lý, không đủ điều kiện bồi thường về đất” là đúng quy định pháp luật.

Ông Vũ Thanh S khiếu nại Huyện 1 phần Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND thành phố V về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Thị P - Vũ Thanh S; cụ thể: Huyện mục A - Bồi thường, hỗ trợ giá trị quyền sử dụng đất; mục C - Bồi thường nhà, vật kiến trúc; mục D- các khoản hỗ trợ; mục G-Tái định cư tại phần 1 Điều 1 Quyết định 1902/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 nêu trên. Yêu cầu Tòa án tuyên buộc UBND thành phố V bồi thường toàn bộ phần diện tích đất thu hồi theo giá đất ở và đất nuôi trồng thủy sản theo giá đất tại thời điểm tháng 04/2023. Tuyên buộc UBND thành phố V phê duyệt phương án hỗ trợ đối với cá nhân trực tiếp sản xuất trên

đất nông nghiệp. Tuyên buộc UBND thành phố V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thêm 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông Vũ Thanh S nhưng không đưa ra được các chứng cứ sử dụng đất hợp pháp. Do đó, việc ông Vũ Thanh S khởi kiện yêu cầu như trên là không có cơ sở giải quyết.

UBND Phường 9 có ý kiến đối với nội dung đơn khởi kiện của ông Vũ Thanh S như trên để Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết vụ việc theo quy định.

## *2. Bà Lê Thị P trình bày:*

Bà là vợ của ông Vũ Thanh S, là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính khởi kiện Quyết định hành chính số 1902/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Thị P - Vũ Thanh S, do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nạo vét kênh B, thành phố V. Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S.

## ***Tại Bản án sơ thẩm số 56/2024/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:***

- Căn cứ khoản 2 Điều 77, khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013 và Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 144, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

## **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ xét xử về yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thanh S đối với yêu cầu: Buộc UBND thành phố V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thêm 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông S; Yêu cầu UBND thành phố V phải hỗ trợ ổn định đời sống cho người trực tiếp sản xuất trên đất bị thu hồi và Yêu cầu UBND thành phố V bồi thường giá đất ở theo quy định trong diện tích 16.999,4m<sup>2</sup> đất thu hồi.

## **2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thanh S:**

Hủy Mục A Điều 1 Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 25/04/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Thị P - Vũ Thanh S do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nạo vét Kênh B, thành phố V (phần không bồi thường, hỗ trợ giá trị quyền sử dụng đất diện tích 16.999,40m<sup>2</sup>).

Buộc UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc thu hồi, bồi thường quyền sử dụng đất cho ông (bà) Vũ Thanh S, Lê Thị P theo quy định pháp luật. Giá đất để tính bồi thường là tại thời điểm thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

**Ngày 26/6/2024**, người bị kiện – UBND thành phố V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thanh S.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Người kháng cáo – UBND thành phố V có người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố V trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo tại đơn kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên tất cả lời trình bày từ trước đến nay như ở giai đoạn sơ thẩm và trong nội dung đơn kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

*Người khởi kiện – ông Vũ Thanh S có người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Phía người kháng cáo không đưa ra được chứng cứ, tình tiết mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo và yêu cầu bác đơn khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của UBND thành phố V làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì phần đất 16.999,4m<sup>2</sup> phía ông S yêu cầu bồi thường do Nhà nước quản lý, việc phía người khởi kiện tự ý lấn chiếm, sang nhượng bất hợp pháp đất nhà nước chưa sử dụng, không kê khai, không thực hiện nghĩa vụ tài chính với cơ quan nhà nước là hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng đất đai. Từ đó, UBND thành phố V không bồi thường về đất đối với diện tích 16.999,4m<sup>2</sup> là phù hợp với quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của UBND thành phố V làm trong hạn luật định, thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.



[2] Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

### **[3] Xét kháng cáo của người bị kiện – UBND thành phố V**

#### **[3.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất bị thu hồi**

Căn cứ đơn yêu cầu đền bù đùng tại Làng cá B của Công ty Đ1 cá (B) INTRADEX.CO.LTD ngày 07/03/1991 có nội dung xác nhận ông Trần Văn C (1 trong 4 người đề nghị đền bù đùng nuôi cá do bị thu hồi đất - BL 40).

Căn cứ giấy sang nhượng đùng nuôi tôm giữa ông Trần Văn C và ông Vũ Thanh S ngày 08/10/1992 (có ông Nguyễn Hoàng D làm chứng); căn cứ đơn xác nhận làm đùng nuôi tôm cá từ ngày 08/10/1992 của Tổ dân phố 13, khu phố I, khu A, Phường I xác nhận việc gia đình ông S làm đùng từ năm 1992 (BL 41).

Căn cứ Biên bản việc giải quyết khiếu nại bị đắp chặn nguồn nước vào đùng nuôi tôm của U ngày 02/5/1998 có nội dung xác nhận ông Vũ Văn S1 (Vũ Thanh S) cùng các ông Lê Đình N1, Lê Đình T4 thay mặt cho 10 hộ nuôi trồng hải sản khu A, Phường I để giải quyết, hoà giải với ông Định Văn T5, biên bản này có xác nhận của Ủy ban mặt trận tổ quốc, Hội nông dân, Công an phường và U (BL 39).

Căn cứ Sổ tạm trú số 020003797 do Trưởng công an phường I xác nhận ngày 02/07/2008 có nội dung “*nơi tạm trú 04 - Khu phố 1 - khu A, Phường I, Tp V, gia đình ông Vũ Thanh S, Lê Thị P và các con chuyển đến từ N, K, Ninh Bình vào năm 1994*” (BL 60, 61, 62, 83).

Căn cứ Trích biên bản phục vụ công tác bồi thường giải toả ngày 18/6/2008, U xác nhận: Diện tích đất ông S đang sử dụng do hộ ông Trần Văn C tự ý đến chiếm sử dụng, sau đó chuyển nhượng cho ông Vũ Thanh S bằng giấy tay vào năm 1992 (BL 43).

Căn cứ Biên bản xác minh nguồn gốc đất phục vụ công tác bồi thường, giải toả ngày 08/7/2008, UBND phường T xác nhận diện tích đất hộ ông S đang sử dụng do Nhà nước quản lý, ông Trần Văn C tự chiếm sử dụng làm đùng nuôi tôm, sau đó chuyển nhượng cho ông Vũ Thanh S bằng giấy tay vào năm 1992 (BL 42).

Căn cứ Quyết định giải quyết khiếu nại số 2518/QĐ-UBND, ngày 13/07/2010 của Chủ tịch UBND Thành phố V thể hiện xác minh của Chánh Thanh tra thành phố V có nội dung: “*Ngày 07/05/2002, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 601/QĐ-UB v/v thành lập Đoàn Kiểm tra việc sử dụng đất và rừng tự nhiên của các tổ chức, cá nhân trên khu vực Cù Lao B thuộc phường E, 6 và phường I, thành phố V. Ngày 12/08/2002, Đ tiến hành kiểm tra, lập biên bản kiểm tra việc sử dụng đất của ông Vũ Văn S1 (Vũ Thanh S), kết luận: Diện tích đất sang nhượng, bao chiếm sử dụng nuôi thủy sản là 29.225,3m<sup>2</sup>*” (BL 64, 65).

Căn cứ “Xác nhận hình thức NTTS của hộ dân thuộc dự án nạo vét kênh bên Đ, TPVT” số 188/PKT-TS ngày 10/6/2022 của Phòng Kinh tế thành phố V: “*Hộ Lê Thị P – Vũ Thanh S, phường I, Tp V đang sử dụng đùng nuôi Tôm sú – Hình*

thức nuôi: *Quảng canh cải tiến*” (BL 154).

Từ các căn cứ nêu trên có cơ sở xác định phần đất 29.225,3m<sup>2</sup> ông S sử dụng nuôi trồng Thủy sản có nguồn gốc sử dụng của ông Trần Văn C khai phá sử dụng trước năm 1991. Ngày 07/03/1991 Công ty Đ1 cá (B) INTRADEX.CO.LTD đã lập danh sách thu hồi, bồi thường, nhưng sau đó không tiến hành thu hồi. Ngày 08/10/1992, ông C chuyển nhượng cho ông S, ông S tiếp tục canh tác, nuôi trồng thủy sản, làm nhà ở ổn định cho đến nay.

UBND thành phố V kháng cáo cho rằng chưa có cơ sở xác định phần đất ông S nhận chuyển nhượng bằng giấy tay của ông C và phần đất được ghi tại Đơn yêu cầu đền bù đùng tại Làng C ngày 07/3/1991, Giấy sang nhượng đùng nuôi tôm ngày 08/10/1992, Biên bản giải quyết khiếu nại bị đắp chặn nguồn nước vào đùng nuôi tôm ngày 02/5/1998. Xét thấy, Căn cứ Đơn yêu cầu đền bù đùng tại Làng cá (B) ngày 07/3/1991 có nội dung xác nhận ông Trần Văn C là một trong bốn người đề nghị đền bù đùng nuôi cá do bị thu hồi đất có cơ sở xác định ông Trần Văn C có sử dụng đùng nuôi cá tại làng cá B là có thật. Ngày 08/10/1992, ông C ký Giấy sang nhượng cho S khoảng 3 héc-ta (30.000m<sup>2</sup>) đầm nuôi tôm, tại Giấy sang nhượng không nêu rõ số thửa, tứ cận của đầm nuôi tôm, tuy nhiên có đính kèm bản photo của công ty Đ2 cá B xác nhận đơn yêu cầu đền bù tại làng cá cho ông Vũ Văn B, Trương Văn M, Trần Văn L, Trần Văn C đứng tên. Trên thực tế, ông C đã giao toàn bộ đầm tôm cho ông S quản lý, sử dụng, tất cả các đương sự đều thừa nhận sau khi chuyển nhượng cho ông S thì ông C không còn đầm nuôi tôm, cá nào tại khu vực làng các B. Tại Biên bản giải quyết khiếu nại bị đắp chặn nguồn nước vào đùng nuôi tôm do U lập ngày 02/5/1998 không thể hiện rõ số thửa, tứ cận đầm nuôi tôm của ông S nhưng không thể phủ nhận ông S có sử dụng đầm nuôi tôm trên thực tế. Ngoài phần đất chuyển nhượng của ông C ra thì ông S không còn đầm nuôi tôm nào khác tại khu vực B. UBND thành phố V cho rằng chưa đủ cơ sở xác định phần đất tại các tài liệu nêu trên là cùng vị trí với phần đất của bị ông S bị thu hồi nhưng khi giả sử phần đất tại các tài liệu trên không phải là phần đất của ông S bị thu hồi thì phần đất tại các tài liệu nêu trên là của ai, vị trí nào thì UBND thành phố V không xác định được. Do đó, mặc dù tại các tài liệu nêu trên không nêu rõ số thửa, tứ cận đất nhưng cũng đủ cơ sở để xác định trên thực tế ông C có sử dụng đất trước năm 1991, ông S có nhận chuyển nhượng đất của ông C vào năm 1992 và ông S đã quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 1992 đến nay.

### [3.2] Về quá trình đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất

Theo hồ sơ địa chính của Phường I thì diện đất này nằm trong diện tích 1.261.500m<sup>2</sup> thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 05. Theo sổ Mục kê được Ban Q duyệt ngày 12/12/1991 do U cũ đăng ký, loại đất “Hg” (đất chưa sử dụng).

Theo Hồ sơ địa chính 2004 thể hiện thửa đất trên thuộc một phần thửa số 03, 04, 17, 2 tờ bản đồ 101; thửa 03 tờ 95; trong sổ địa chính không có người kê khai, đăng ký sử dụng.

Như đã nhận định tại mục [3.2] phần đất 29.225,3m<sup>2</sup> ông S sử dụng nuôi trồng Thủy sản có nguồn gốc sử dụng của ông Trần Văn C khai phá sử dụng

trước năm 1991. Ngày 12/12/1991, U đăng ký tại Sổ mục kê ruộng đất loại đất “Hg” (đất chưa sử dụng) là không đúng thực tế sử dụng đất. Việc U đăng ký trong Sổ Mục kê năm 1991 không phải là cơ sở để phủ nhận, bác bỏ nguồn gốc đất ông C đã khai hoang, sử dụng từ trước năm 1991.

[3.3] Về yêu cầu bồi thường 16.999,4m<sup>2</sup> khi thu hồi đất

Tại Văn bản Báo cáo UBND tỉnh B của Sở TNMT số 5531/STNMT-CCQLĐĐ ngày 23/09/2019 có nội dung: “*Xác nhận hồ sơ lưu trữ tại UBND phường thì các hộ dân sử dụng đất không có biên bản xử lý vi phạm hành chính về đất đai cũng như không có văn bản ngăn chặn nào của các cơ quan chức năng có thẩm quyền*” (BL 46).

Tại văn bản 5531 ngày 23/09/2019 thể hiện ý kiến của UBND thành phố V: “*Các hộ gia đình, cá nhân nêu trên thực tế có quá trình quản lý, tôn tạo, bảo vệ, sử dụng đất từ trước thời điểm UBND thành phố V thành lập Đoàn kiểm tra (năm 2002), trên đất các hộ đã xây dựng nhà tạm từ năm 2000; đây không phải là khu vực nguy hiểm, rừng đặc dụng, tại thời điểm thu hồi đất áp dụng Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ (đang có hiệu lực) thì việc sử dụng đất của các hộ không vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 14, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Do đó, UBND thành phố V kiến nghị UBND tỉnh áp dụng Điều 25, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Quyết định số 70/2008/QĐ-UBND ngày 01/12/2008 của UBND tỉnh Quy định hỗ trợ cho các trường hợp bị Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi bồi thường thiệt hại về đất. Mức hỗ trợ đề xuất: 50% giá đất nông nghiệp theo Bảng giá đất hàng năm của UBND tỉnh quy định tại Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh*” (BL 46).

Kết luận tại cuộc họp giữa Sở T7, Ban tiếp công dân tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở tài chính và UBND thành phố V có nội dung: “*Qua quá trình bồi thường và giải quyết khiếu nại, Thanh tra T6 và UBND thành phố V xác nhận các hộ dân sử dụng đất không có Quyết định xử lý vi phạm hành chính về đất đai cũng như không có văn bản ngăn chặn nào của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Do đó các thành viên dự họp thống nhất với đề xuất của UBND thành phố V về việc áp dụng Điều 25, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hỗ trợ 50% giá đất nông nghiệp theo Bảng giá đất của UBND tỉnh tại thời điểm phê duyệt phương án hỗ trợ, diện tích hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương (03 ha), đề xuất thường trực UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xét xem chủ trương hỗ trợ cho các hộ dân. Trên cơ sở chủ trương của Thường trực UBND tỉnh và Thường trực Tỉnh ủy, giao UBND thành phố V rà soát, chịu trách nhiệm về kết quả rà soát và hỗ trợ cho các hộ dân*”.

Tại Báo cáo số: 1532/BC-TTTP ngày 17/6/2016 của Thanh Tra Chính phủ về Kiểm tra, xác minh khiếu nại của ông Phạm Ngọc D1 tại Phường F, thành phố V (có nội dung liên quan đến quy hoạch khu vực đất trên) có nội dung: “*Kết quả kiểm tra cho thấy: ngày 04/3/1990, Chủ tịch UBND Đặc khu V - Côn Đảo chỉ ký tắt duyệt trên Bản đồ quy hoạch khu vực cù lao B (tổng diện tích khoảng 420ha) chứ chưa ban hành quyết định phê duyệt quy hoạch; Qua làm việc UBND thành*

*phố Vũng Tàu và UBND phường F đều cho biết là chưa nhận được văn bản chính thức nào của các cấp có thẩm quyền về quy hoạch khu vực cù lao B”.*

Căn cứ Sổ tạm trú số 020003797 do Trưởng công an phường I xác nhận ngày 02/07/2008 có nội dung “*nơi tạm trú 04 - Khu phố 1- khu A, Phường I, Tp ., gia đình ông Vũ Thanh S, Lê Thị P và các con chuyển đến từ N, K, Ninh Bình vào năm 1994”.*

Từ các căn cứ nêu trên có cơ sở xác định ông Trần Văn C, ông Vũ Thanh S đã sử dụng đất trước thời điểm có quy hoạch khu vực Kênh B. Gia đình ông C sử dụng nhà, đất nuôi trồng thủy sản trước năm 1991, gia đình ông S nhận chuyển nhượng lại nhà đất của ông C và sử dụng nhà, đất nuôi trồng thủy sản trước năm 1992 cho đến nay. Hiện trên phần diện tích thu hồi vẫn đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp (nuôi Tôm theo mô hình quảng canh). Gia đình ông S sử dụng, khai thác đất ổn định có xác nhận của Tổ dân phố và khu phố qua các thời kỳ. Trên phần đùng nuôi tôm nêu trên, gia đình ông S đã cất nhà chòi để ở và sinh sống từ năm 1992 (thừa hưởng lại căn nhà của ông Trần Văn C khi mua đất). Trong quá trình sử dụng đất không có ai tranh chấp và không bị xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, phần đất 16.999,4m<sup>2</sup> đủ điều kiện được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013: “*2. Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này”.*

UBND thành phố V căn cứ vào Sổ mục kê được Ban Q ngày 12/12/1991 để xác định ông S sử dụng đất là do tự ý lấn chiếm, sang nhượng bất hợp pháp đất nhà nước chưa sử dụng, không kê khai, không thực hiện nghĩa vụ tài chính với cơ quan nhà nước là hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng đất đai. Từ đó, không bồi thường 16.999,4m<sup>2</sup> đất cho ông S là không phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, ở trường hợp này về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất từ trước cho đến khi ông S nhận chuyển nhượng là không trái pháp luật. Từ năm 1991, U, thành phố V đăng ký vào sổ mục kê thì lẽ ra cần phải chấm dứt việc sử dụng đất của ông C, ông S điều này dẫn đến việc ông S tiếp tục quản lý, sử dụng, đầu tư nhiều công sức, tài sản trên đất. Vì vậy, khi thu hồi cần phải xem xét hỗ trợ cho người dân có đất bị thu hồi mới phù hợp.

**[3.4]** Từ các nhận định nêu trên có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thanh S, tuyên hủy Mục A Điều 1 Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 25/04/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Thị P - Vũ Thanh S do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nạo vét Kênh B, thành phố V (phần không bồi thường, hỗ trợ giá trị quyền sử dụng đất diện tích 16.999,40m<sup>2</sup>) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

**[3.5]** UBND thành phố V kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Nhưng trong quá trình giải quyết theo thủ tục phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình được chứng cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố V; Đối với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố V là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 56/2024/HC-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

**1.** Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 56/2024/HC-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

**1.1.** Đình chỉ xét xử về yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thanh S đối với yêu cầu: Buộc UBND thành phố V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thêm 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông S; Yêu cầu UBND thành phố V phải hỗ trợ ổn định đời sống cho người trực tiếp sản xuất trên đất bị thu hồi và Yêu cầu UBND thành phố V bồi thường giá đất ở theo quy định trong diện tích 16.999,4m<sup>2</sup> đất thu hồi.

**1.2.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thanh S:

Hủy Mục A Điều 1 Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 25/04/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Thị P - Vũ Thanh S do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nạo vét Kênh B, thành phố V (phần không bồi thường, hỗ trợ giá trị quyền sử dụng đất diện tích 16.999,40m<sup>2</sup>).

Buộc UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc thu hồi, bồi thường quyền sử dụng đất cho ông (bà) Vũ Thanh S, Lê Thị P theo quy định pháp luật. Giá đất để tính bồi thường là tại thời điểm thu hồi đất.

**2.** Án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Được căn trừ với số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà UBND thành phố V đã nộp theo Biên lai

đóng tạm ứng án phí số 0000574 ngày 28/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. UBND thành phố V đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

**3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tối cao
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP, ĐTM

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Đức Toàn**